

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG

BIỂU THU PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH (Kèm theo Công văn số /STP-VP ngày /5/2021 của Sở Tư pháp)

TT	Tên thủ tục hành chính	Loại và mức thu		Văn bản ban hành mức thu		Ghi chú
		Phí (đồng/hồ sơ; hoặc % tình phí...)	Lệ phí (đồng/hồ sơ; hoặc % tình phí...)	Phí	Lệ phí	
1.	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên		100.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT – BTC11/11/2016 của Bộ Tài Chính.	
2.	Cấp lại thẻ công chứng viên		100.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính.	
3.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Công chứng	1.000.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính		
4.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Công chứng	500.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT - BTC ngày		

				11/11/2016 của Bộ Tài chính.		
5.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Công chứng hợp nhất	1.000.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính		
6.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Công chứng nhận sáp nhập	500.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.		
7.	Thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	500.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính		
8.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	1.000.000 đ		- Thông tư số 257/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính		

9.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		50.000 đ		- Thông tư số 47/2019/TT - BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
10.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư		50.000 đ		- Thông tư số 47/2019/TT - BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
11.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt nam	600.000 đ			- Thông tư số 220/2016/TTBTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
12.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		50.000 đ		- Thông tư số 47/2019/TT - BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
13.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật TNHH một thành viên		50.000 đ		- Thông tư số 47/2019/TT - ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
14.	Thay đổi người đại diện theo		50.000 đ		- Thông tư số	

	pháp luật của công ty luật TNHH 2 thành viên trở lên, công ty luật hợp danh				47/2019/TT - BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
15.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		1.000.000 đ		- Thông tư số 220/2016/TTBTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
16.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	800.000 đ	100.000 đ	- Thông tư số 220/2016/TTBTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Thông tư số 220/2016/TTBTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
17.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	800.000 đ	100.000 đ	- Thông tư số 220/2016/TTBTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Thông tư số 220/2016/TTBTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
18.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	500.000 đ		Thông tư số 224/2016/TT - BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính		
19.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	500.000 đ		Thông tư số 224/2016/TT - BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính		
20.	Đăng ký hoạt động của doanh	1.000.000 đ		Thông tư số		

	ng nghiệp đầu giá tài sản			106/2017/TT - BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính		
21.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	500.000 đ		Thông tư số 106/2017/TT - BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính		
22.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	500.000 đ		Thông tư số 106/2017/TT - BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính		
23.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đầu giá		2.700.000 đ	Thông tư số 106/2017/TT - BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính		
24.	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	100.000 đ		Thông tư số 281/2016/TT - BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính		
25.	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	100.000 đ		Thông tư số 281/2016/TT - BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính		
26.	Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam		3.000.000 đ		Thông tư số 281/2016/TT -	

					BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
27.	Thủ tục Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		2.500.000 đ		Thông tư số 281/2016/TT - BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
28.	Thủ tục Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước		2.500.000 đ		Thông tư số 281/2016/TT - BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
29.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)		200.000 đ		Thông tư số 244/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
30.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)		200.000 đ		Thông tư số 244/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
31.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam		200.000 đ		Thông tư số 244/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

32.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	1.000.000 đ		Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
33.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	1.000.000 đ		Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
34.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	500.000 đ		Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ		

				trưởng Bộ Tài chính		
--	--	--	--	------------------------	--	--

*** Lưu ý:**

- Thống kê mức phí, lệ phí theo giá trị tuyệt đối từ văn bản quy định, ghi rõ thành tiền phải nộp đối với từng trường hợp;
- Trường hợp không thể ghi cụ thể mức phí, lệ phí tuyệt đối vào Biểu thì phải có ví dụ minh họa để người dân, doanh nghiệp tìm hiểu, thực hiện.